

# Chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO : Luận văn ThS. Kinh tế: 60 31 07 / Trịnh Tiến Đạt ; Nghd. : PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn

## 1. SỰ CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

Tỷ giá hối đoái là một vấn đề kinh tế phức tạp, là một trong những công cụ cơ bản của Nhà nước trong quản lý và điều hành vĩ mô, là một chủ đề được tranh luận nhiều và sôi nổi vào bậc nhất của kinh tế học.

Tính phức tạp và nhiều tranh cãi của tỷ giá hối đoái nằm ở chỗ chưa có hệ thống lý thuyết tỷ giá hối đoái hoàn chỉnh (phương pháp xác định, phương pháp dự báo)...

Vì tính phức tạp của tỷ giá hối đoái cũng như vai trò quan trọng của chính sách tỷ giá đối với nền kinh tế nên đã có rất nhiều nhà kinh tế học dày công nghiên cứu. Đóng góp chung vào nghiên cứu về lý luận và thực tiễn của tỷ giá hối đoái và chính sách tỷ giá hối đoái, luận văn này tập trung vào nghiên cứu trường hợp của Trung Quốc, chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO.

Trung Quốc là một trong 5 nền kinh tế lớn, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới, có lượng dự trữ ngoại hối lớn, có tốc độ và kim ngạch tăng trưởng thương mại hàng đầu thế giới, có thị trường nội địa rộng lớn và đầy tiềm năng...vài nét sơ qua như vậy cũng có thể đánh

giá tầm quan trọng trong ảnh hưởng của Trung Quốc tới nền kinh tế toàn cầu.

Kể từ khi Trung Quốc gia nhập WTO (năm 2001) đến nay, trên các diễn đàn nghiên cứu tỷ giá hối đoái trên thế giới, một trong những chủ đề bàn luận sôi nổi nhất có lẽ là tỷ giá hối đoái Trung Quốc. Lý do là vì chính sách tỷ giá hối đoái mà Trung Quốc đã và đang thực thi gây ra những ảnh hưởng liên đới đến phần còn lại của thế giới (đặc biệt là đến Mỹ, Liên minh châu Âu): thâm hụt cán cân thương mại, thay đổi trong dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI)...

Chính sách tỷ giá hối đoái Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO có sự thay đổi như thế nào, những thay đổi đó tác động đến nền kinh tế Trung Quốc như thế nào, đó là những vấn đề nghiên cứu mà luận văn này cần phải trả lời.

Việc Việt Nam vừa mới gia nhập WTO đặt ra những vấn đề trong việc sử dụng chính sách tỷ giá hối đoái như một công cụ quản lý kinh tế vĩ mô quan trọng có tác dụng vừa đối phó với những thách thức đặt ra lại vừa tận dụng được các cơ hội do nó mang lại.

Sự tương đồng nhiều mặt giữa Việt Nam và Trung Quốc trong điều hành chính sách tỷ giá hối đoái (lựa chọn chế độ tỷ giá thả nổi có sự quản lý của Nhà nước, có cùng mục tiêu sử dụng chính sách tỷ giá hối đoái để thúc đẩy tăng trưởng thương mại...) là lý do để luận văn này nghiên cứu nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái thời gian tới.

## 2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI:

Những công trình nghiên cứu điển hình như: “*Adjusting China’s Exchange Rate Policies*” (2004) của **Moris Goldstein**; “The Choice of Exchange Rate Regime: The Relevance of International Experience to China’s Decision” (2004) của **John Williamson**; “Exchange Rate and Monetary Policy in China” (2005) của **Nicholas R. Lardy**; “*Quản lý*

ngoại hối và điều hành tỷ giá hối đoái ở Việt Nam” (2004) của **Lê Quốc Lý**, “China’s Exchange Rate System after WTO Accession: Some Considerations” (2001) của **Jian Guang Shen**; “China’s Accession to the WTO, Real Exchange Rate Changes and their Impact on U.S. Trade with Greater China” (2001) của **Vincent Dropsy**; “The China Currency Exchange Rate Problem: Facts and Policy Options” (2005) của **Ủy ban tổng hợp an ninh và kinh tế Trung Mỹ**; “Trung Quốc sau 4 năm tham gia WTO – Đánh giá sơ khởi vài nét chính” (2005) của **Đỗ Tuyết Khanh**; “Kinh nghiệm đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối của Trung Quốc trong quá trình gia nhập WTO và quá trình đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối của Việt Nam hướng tới hội nhập kinh tế quốc tế” của **Nguyễn Thị Nhung**...

Hầu hết các nghiên cứu trên tập trung vào các vấn đề sau:

**Thứ nhất**, về vấn đề lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái: Trong khi các bài viết của tác giả Việt Nam đồng tình với chính phủ Trung ương Trung Quốc khẳng định chế độ tỷ giá hối đoái của Trung Quốc là chế độ tỷ giá hối đoái linh hoạt có sự quản lý của nhà nước thì các nhà nghiên cứu nước ngoài một mực cho rằng đây là chế độ tỷ giá hối đoái nghiêng hẳn về cố định và hà khắc. Điều này có thể được giải thích vì sự khác nhau trong quan điểm của các tác giả về thể nào là chế độ tỷ giá cố định và thể nào là chế độ tỷ giá linh hoạt có sự quản lý của nhà nước. Trên quan điểm đó, các nghiên cứu trên cũng có sự khác biệt trong các khuyến nghị được đưa ra. Có những quan điểm khuyến khích Trung Quốc tiếp tục thực hiện chế độ tỷ giá hối đoái như hiện nay nhưng nói lỏng dần dần (như Jian Guang Shen, Lê Quốc Lý, Nguyễn Thị Nhung), cũng có quan điểm cho rằng Trung Quốc nên ngay lập tức thả nổi tỷ giá hối đoái (Vincent Dropsy, Moris Goldstein, John Williamson và đặc biệt là từ bài viết của Ủy ban tổng hợp an ninh và kinh tế Trung Mỹ).

**Thứ hai**, về quá trình điều chỉnh tỷ giá hối đoái của Trung Quốc: Xung quanh chủ đề định giá lại đồng Nhân dân tệ, các nghiên cứu đều đưa ra lập luận, mô hình để chứng minh rằng đồng Nhân dân tệ hiện thấp hơn giá trị thực của nó từ 15-20 % (Moris Goldstein); những khuyến nghị dành cho phía Trung Quốc là mở rộng biên độ dao động cho tỷ giá hối đoái từ 1% lên 5-7% đồng thời thay đổi từ chỉ neo giá đồng Nhân dân tệ vào đồng USD sang neo giá với rổ tiền tệ mạnh.

**Thứ ba**, liên quan đến các cam kết gia nhập WTO tác động thế nào tới chính sách tỷ giá hối đoái Trung Quốc, **Vincent Dropsy** cho rằng việc Trung Quốc cam kết giảm mức thuế quan trung bình theo lộ trình tự do hóa thương mại cũng đồng nghĩa với một sự tăng giá thực của đồng Nhân dân tệ.

*Tuy nhiên*, do mục đích và yêu cầu khác nhau mà các nghiên cứu trên chỉ đề cập về i) một hoặc một số khía cạnh của chính sách tỷ giá hối đoái Trung Quốc; ii) Chỉ nghiên cứu trước hoặc sau khi Trung Quốc gia nhập WTO chứ chưa nghiên cứu sâu chuỗi thành một quá trình cả trước và sau khi gia nhập WTO của Trung Quốc; iii) các tác giả cũng có những quan điểm khác nhau trong vấn đề điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc. Luận văn này được viết với mục đích cố gắng lấp được các khoảng trống trong những nghiên cứu trên đồng thời đưa ra quan điểm của người viết về điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc cũng như những bài học kinh nghiệm của Trung Quốc để hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam.

### **3. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU:**

**Mục đích nghiên cứu**: Rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái trên cơ sở hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về chính sách tỷ giá hối đoái và phân tích thực trạng chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO.

### **Nhiệm vụ nghiên cứu:**

*Thứ nhất:* Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về tỷ giá hối đoái và chính sách tỷ giá hối đoái cũng như những tác động của nó tới nền kinh tế (vai trò của chính sách tỷ giá hối đoái).

*Thứ hai:* Trả lời câu hỏi: Trung Quốc đã lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái nào và có những điều chỉnh nào trong chính sách tỷ giá hối đoái trước và sau khi gia nhập WTO.

*Thứ ba:* Trả lời câu hỏi: những bài học kinh nghiệm nào có thể được rút ra và vận dụng được ở Việt Nam để hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái trong thời gian tới?

### **4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU:**

**Đối tượng nghiên cứu** là Chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc.

**Phạm vi về nội dung nghiên cứu:** Chính sách tỷ giá hối đoái là một công cụ quản lý vĩ mô quan trọng và liên hệ chặt chẽ với các chính sách khác như: chính sách ngoại hối, chính sách tiền tệ...Luận văn này chỉ tập trung nghiên cứu về việc Trung Quốc đã lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái như thế nào và tiến hành điều chỉnh tỷ giá hối đoái ra sao trong quá trình trước và sau khi gia nhập WTO.

**Phạm vi về thời gian nghiên cứu:** nghiên cứu về chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc từ 1981-2008 vì từ 1/1/1981 Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách tỷ giá lần đầu tiên với việc áp dụng một tỷ giá cho các giao dịch thương mại nội bộ. Năm 1981 cũng là năm mà thị trường trao đổi ngoại hối của Trung Quốc ra đời thúc đẩy mạng lưới thanh toán dựa vào thị trường ngoại hối chính thức trên phạm vi toàn quốc. Cũng kể từ thời điểm này trở đi Trung Quốc tiến hành hàng loạt các biện pháp phá giá đồng Nhân dân tệ và những cải cách trong điều hành tỷ giá hối đoái theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

**Phạm vi về không gian nghiên cứu:** Luận văn này chỉ giới hạn nghiên cứu chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc Đại lục chứ không nghiên cứu cả chính sách tỷ giá hối đoái của Hồng Kông, Ma Cao...

## **5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:**

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích, so sánh, duy vật biện chứng và duy vật lịch sử...

## **6. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN:**

Nghiên cứu một cách có hệ thống một số vấn đề lý luận về chính sách tỷ giá hối đoái.

Phân tích và đánh giá quá trình điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO (trọng tâm từ 1981 đến 2008).

Rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam từ quá trình điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO.

## **7. BỐ CỤC CỦA LUẬN VĂN:**

### **Phần mở đầu**

### **Các ký hiệu viết tắt**

**Chương 1.** Một số vấn đề lý luận chung về tỷ giá hối đoái và chính sách tỷ giá hối đoái.

**Chương 2.** Phân tích chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO (1979-2008).

**Chương 3.** Một số gợi ý về giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái ở Việt Nam từ kinh nghiệm Trung Quốc.

### **Kết luận.**

### **Tài liệu tham khảo**

### **Phụ lục**

## **CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**

### **1.1 TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**

#### **1.1.1 Khái niệm tỷ giá hối đoái**

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ của một quốc gia tính bằng tiền tệ của một nước khác, hay là quan hệ so sánh về mặt giá cả giữa hai đồng tiền của các quốc gia khác nhau. Nó là một phạm trù kinh tế bắt nguồn từ nhu cầu trao đổi hàng hoá, dịch vụ phát sinh trực tiếp từ quan hệ tiền tệ giữa các quốc gia.

#### **1.1.2 Phân loại tỷ giá**

1.1.2.1 Căn cứ nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối: tỷ giá mua, tỷ giá bán...

1.1.2.2 Căn cứ vào cơ chế điều hành chính sách tỷ giá: tỷ giá chính thức, tỷ giá chợ đen...

1.1.2.3 Căn cứ vào tính chất tác động đến thương mại quốc tế: tỷ giá danh nghĩa song phương, đa phương; tỷ giá thực song phương, đa phương...

#### **1.1.3 Các yếu tố cơ bản tác động đến tỷ giá hối đoái**

Những yếu tố cơ bản tác động đến tỷ giá hối đoái được phân chia làm các yếu tố dài hạn và các yếu tố ngắn hạn.

Các yếu tố dài hạn tác động đến tỷ giá gồm: tương quan lạm phát của các quốc gia, giá cả hàng hóa thế giới, thuế quan, hạn ngạch, năng suất lao động, tâm lý...

Các yếu tố ngắn hạn tác động đến tỷ giá gồm: tương quan lãi suất của các quốc gia, những dự tính về tỷ giá hối đoái trong tương lai, những cú sốc về kinh tế, chính trị, xã hội, thiên tai, những can thiệp của chính phủ lên thị trường ngoại hối...

### **1.2 CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**

#### **1.2.1 Khái niệm chính sách tỷ giá hối đoái**

Luận văn xác định chính sách tỷ giá hối đoái cần được hiểu và phân tích theo nghĩa rộng, tức là quá trình mà chính phủ **lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái** nhất định và **sử dụng các công cụ** (hành chính, thị trường...) để điều chỉnh tỷ giá hối đoái nhằm đạt được tôn chỉ (mục tiêu) của chính sách tỷ giá hối đoái từng thời kỳ

### **1.2.2 Lựa chọn các chế độ tỷ giá hối đoái.**

Mỗi quốc gia đều có một chế độ, một khung pháp lý riêng dành cho các giao dịch tài chính quốc tế của quốc gia đó. **Chế độ tỷ giá hối đoái** bao gồm các quy tắc xác định phương thức mua bán ngoại hối đối với các thể nhân và pháp nhân là người cư trú và người không cư trú.

Thông thường có 3 chế độ tỷ giá hối đoái cơ bản mà các quốc gia trên thế giới đã và đang sử dụng: chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn, chế độ tỷ giá hối đoái cố định và chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có điều tiết.

Việc lựa chọn các chế độ tỷ giá thường hướng vào các mục tiêu: i) đảm bảo cân bằng cán cân bên trong (tăng trưởng kinh tế, ổn định tiền tệ - lạm phát hợp lý, giá trị đồng tiền được duy trì ổn định trong tương quan các đồng tiền, tỷ lệ thất nghiệp chấp nhận được và ii) đảm bảo cán cân cán đối bên ngoài như duy trì cán cân thanh toán.

### **1.2.3 Một số công cụ can thiệp của chính phủ lên tỷ giá hối đoái**

1.2.3.1 Nhóm các công cụ Lãi suất: Lãi suất tái chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cơ bản...

1.2.3.2 Nhóm các công cụ thị trường mở: OMO, FXO, SFXO

1.2.3.3 Quỹ bình ổn tỷ giá.

1.2.3.4 Nhóm các công cụ Quản lý ngoại hối (kiểm soát ngoại hối).

1.2.3.5 Nhóm các công cụ nâng giá hoặc phá giá tiền tệ.

1.2.3.6 Nhóm các công cụ hỗ trợ khác: bảo hộ, khuyến khích xuất khẩu...

## **Kết luận chương 1.**

Tỷ giá hối đoái là giá một đơn vị tiền tệ nước ngoài tính trên một đơn vị tiền tệ trong nước. Theo đó, tỷ giá hối đoái có vai trò quan trọng tác động trực tiếp đến xuất nhập khẩu và gián tiếp đến các chỉ số kinh tế cơ bản khác như lạm phát, tăng trưởng kinh tế... Tùy theo từng tiêu chí khác nhau như căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, căn cứ vào cơ chế điều hành chính sách tỷ giá,..., tỷ giá hối đoái được phân thành nhiều loại như tỷ giá mua vào, bán ra; tỷ giá chính thức, tỷ giá chợ đen...

Những yếu tố cơ bản tác động đến tỷ giá hối đoái được phân chia làm các yếu tố dài hạn và các yếu tố ngắn hạn. Các yếu tố dài hạn tác động đến tỷ giá gồm: tương quan lạm phát của các quốc gia, giá cả hàng hóa thế giới, thuế quan, hạn ngạch, năng suất lao động, tâm lý... Các yếu tố ngắn hạn tác động đến tỷ giá gồm: tương quan lãi suất của các quốc gia, những dự tính về tỷ giá hối đoái trong tương lai, những cú sốc về kinh tế, chính trị, xã hội, thiên tai, những can thiệp của chính phủ lên thị trường ngoại hối...

Những yếu tố cơ bản tác động đến chính sách tỷ giá bao gồm việc lựa chọn chế độ tỷ giá hối đoái và việc chính phủ sử dụng các công cụ can thiệp hợp lý nhằm điều chỉnh tỷ giá đạt đến mục tiêu đã đề ra. Theo đó, chế độ tỷ giá có thể được lựa chọn gồm chế độ tỷ giá cố định, chế độ tỷ giá thả nổi và chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết. Sau khi lựa chọn chế độ tỷ giá tối ưu cho nền kinh tế từng thời kỳ, chính phủ thường sử dụng các công cụ như lãi suất tái chiết khấu, quỹ bình ổn tỷ giá, nâng giá, phá giá... để điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Kết quả của chính sách tỷ giá hối đoái là những ảnh hưởng, tác động đến các biến số kinh tế chủ yếu của nền kinh tế như: giá trị xuất nhập khẩu, lạm phát và tăng trưởng kinh tế, đến đầu tư nước ngoài và nợ nước ngoài...

## **CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI CỦA TRUNG QUỐC TRƯỚC VÀ SAU KHI GIA NHẬP WTO (1979-2008)**

### **2.1 CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI CỦA TRUNG QUỐC TRƯỚC KHI GIA NHẬP WTO.**

#### **2.1.1 Quá trình cải cách chính sách tỷ giá hối đoái Trung Quốc từ 1979 đến 1994.**

##### **2.1.1.1 Chính sách đa tỷ giá 1979-1984.**

##### **Đánh giá chính sách tỷ giá Trung Quốc trong giai đoạn này:**

*Thứ nhất*, chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trong giai đoạn này thể hiện rõ rệt đặc tính chính sách tỷ giá hối đoái mà hệ thống các quốc gia Xã hội chủ nghĩa lúc đó đang áp dụng. Đặc tính này bao gồm: áp dụng chế độ tỷ giá hối đoái cố định, sử dụng nhiều loại tỷ giá trong cùng một nền kinh tế, quản lý chặt chẽ ngoại hối và điều chỉnh tỷ giá hối đoái không hoàn toàn tuân theo các tín hiệu thị trường...

*Thứ hai*, chính sách tỷ giá hối đoái đã đạt được các mục tiêu ngắn hạn: Mục tiêu tạo thêm một loại tỷ giá mới (tỷ giá giao dịch thương mại nội bộ) song song với tỷ giá chính thức đã làm dịu áp lực phá giá đồng Nhân dân tệ, trung hòa các mâu thuẫn trong quan điểm cải cách chính sách tỷ giá hối đoái trong những năm đầu đã phát huy tác dụng.

*Thứ ba*, dù can thiệp bằng bàn tay hữu hình hay bàn tay vô hình thì về dài hạn, tỷ giá vẫn có xu hướng tiến về mức cơ bản. Sau khoảng hơn 4 năm thực thi chính sách song song 2 tỷ giá, với những điều chỉnh tỷ giá cần thiết trong thời gian này, năm 1984 chính sách đa tỷ giá đã trở nên không còn phát huy tác dụng nữa.

##### **2.1.1.2 Xóa bỏ chính sách tỷ giá mang đặc tính quan liêu, bao cấp: 1984-1994.**

##### **Đánh giá chính sách tỷ giá Trung Quốc trong giai đoạn này:**

*Thứ nhất*, kết quả của hàng loạt những cải cách chính sách tỷ giá hối đoái trong giai đoạn này được chính phủ Trung Quốc đúc rút về mặt quan điểm lý luận khi xác định vai trò của chính sách tỷ giá hối đoái đối với nền kinh tế. Nếu như, trong những năm cuối thập kỷ 1970, mục tiêu của chính sách tỷ giá hối đoái chỉ là đưa tỷ giá đồng Nhân dân tệ về sát với tỷ giá thực, thì từ giữa những năm 1980, quan điểm cải cách tỷ giá đã hướng đến coi đó như một **đòn bẩy kinh tế**, được sử dụng để **đẩy mạnh xuất khẩu**, tức chính sách tỷ giá hối đoái đã có vai trò lớn hơn trong việc phân bổ các nguồn lực kinh tế.<sup>1</sup>

*Thứ hai*, những hệ quả và áp lực của sự phát triển thị trường ngoại hối tự do tự phát tạo ra, những bất cập trong chế độ hai tỷ giá tồn tại song song, sự tăng trưởng mạnh mẽ của xuất khẩu, của tổng sản phẩm quốc dân... đã buộc chính phủ Trung Quốc **thống nhất** hai chế độ tỷ giá hối đoái và thực hiện các cố gắng hướng tới một đồng Nhân dân tệ có khả năng chuyển đổi vào năm 1994.

Mặc dù quyết định thống nhất các loại tỷ giá thành một tỷ giá duy nhất dường như được đưa ra **khá trễ** (vì từ những năm 1984 hai loại tỷ giá nội bộ và chính thức đã gần như thống nhất với nhau) nhưng với quan điểm của Trung Quốc, quá trình này vẫn được xem là phù hợp và đúng thời điểm, phản ánh sự thận trọng thường thấy của các nhà lập chính sách Trung Quốc trong giai đoạn đầu cải cách kinh tế mang đặc sắc Trung Quốc

### **2.1.2 Vượt qua khủng hoảng tài chính châu Á, Trung Quốc hoàn thiện chính sách tỷ giá trước khi gia nhập WTO (1994-2001).**

Từ năm 1994, chế độ tỷ giá của Trung Quốc bước vào một giai đoạn mới: **tỷ giá được thả nổi dựa trên các nhân tố thị trường**.

---

<sup>1</sup> Tháng 9/1985 Trung Quốc đã đưa ra bản Kế hoạch 5 năm lần thứ 7 (1986-1990) trong đó có đề cập tới vai trò của chính sách tỷ giá hối đoái.

### **Đánh giá chính sách tỷ giá Trung Quốc trong giai đoạn này:**

*Thứ nhất*, ngay sau khi chính phủ Trung Quốc công bố chuyển đổi chính sách tỷ giá hối đoái từ cố định, đa tỷ giá sang linh hoạt có kiểm soát thì cuộc khủng hoảng châu Á đã làm chậm lại mục tiêu biến đồng Nhân dân tệ trở thành đồng tiền chuyển đổi tự do. Trung Quốc quay trở lại mục tiêu duy trì sự ổn định của tỷ giá hối đoái nhằm hỗ trợ cho nền kinh tế vượt qua những cú sốc tài chính do cuộc khủng hoảng mang đến.

*Thứ hai*, Nhiều quan điểm cho rằng việc đồng Nhân dân tệ không phá giá trong thời gian này xuất phát từ việc Trung Quốc sẵn sàng hy sinh các lợi ích của mình cho thế giới còn lại để ngăn chặn cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á nhưng thực ra, xét về mặt bản chất cũng là nhằm giữ ổn định nền kinh tế Trung Quốc, bảo toàn các lợi ích quốc gia.

*Thứ ba*, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á là thuốc thử cuối cùng để chứng tỏ khả năng dùng chính sách kinh tế của Trung Quốc (cam kết với thế giới về việc giữ ổn định tỷ giá đồng Nhân dân tệ nhằm ngăn chặn sự lan tràn của cuộc khủng hoảng sang quy mô toàn châu lục) làm chính sách ngoại giao, tạo lợi thế về mặt chính trị cho chính phủ Trung Quốc bước vào giai đoạn đàm phán quyết định để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

#### **2.1.3 Tóm lược quá trình gia nhập WTO của Trung Quốc và những cam kết của Trung Quốc khi gia nhập WTO có liên quan đến chính sách tỷ giá hối đoái.**

Kể từ ngày 11/12/2001, Trung Quốc đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO. Mặc dù Trung Quốc **không có cam kết trực tiếp nào liên quan đến tỷ giá hối đoái** và chính sách tỷ giá hối đoái sau khi gia nhập WTO nhưng việc mở cửa và minh bạch nền kinh tế (lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm...) là xu hướng quyết định dẫn đến việc cải cách trong các chính sách điều chỉnh tỷ giá hối đoái hậu WTO.

Sau một khoảng thời gian ngắn quá độ, hệ thống tài chính – tiền tệ Trung Quốc sẽ phải từng bước mở cửa toàn diện, môi trường tài chính - tiền tệ ngày càng phức tạp, hiệu ứng của các chính sách tiền tệ sẽ phải chịu ảnh hưởng từ nhiều phía. Khi ấy, nội hàm của chính sách tiền tệ (trong đó có chính sách tỷ giá hối đoái) sẽ ngày một phong phú, các biện pháp của chính sách tiền tệ sẽ ngày càng đa dạng, trình độ điều tiết của chính sách tiền tệ sẽ phải ngày một nâng cao.

## **2.2 CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI CỦA TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO.**

Kể từ khi gia nhập WTO đến 2008, chính sách tỷ giá hối đoái được Trung Quốc càng ngày càng hoàn thiện đáp ứng cả các mục tiêu kinh tế lẫn các mục tiêu chính trị, ngoại giao

### **2.2.1 Chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc từ 2001 đến 2008.**

a) Phản ứng của thế giới đối với chính sách điều hành tỷ giá hối đoái không công bằng của Trung Quốc (2001-2005).

**Quan điểm của Luận văn về chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trong thời gian này như sau:**

*Thứ nhất*, Đồng Nhân dân tệ chưa phản ánh giá trị thực tế của nó. Các tính toán cho thấy mức thay đổi của tỷ giá danh nghĩa không phản ánh đúng với mức thay đổi của tỷ giá theo chỉ số giá tiêu dùng giữa hai quốc gia. Điều đó có nghĩa Trung Quốc đã duy trì mức tỷ giá danh nghĩa luôn cao hơn so với mức tỷ giá dài hạn của mình hay đồng Nhân dân tệ luôn được duy trì thấp hơn giá trị thực của nó mục đích là để làm cho **một đồng Đô la Mỹ đổi được nhiều đồng Nhân dân tệ hơn**. Khi đó, hàng hóa xuất xứ từ Trung Quốc xuất khẩu sang Hoa Kỳ sẽ có giá bán quy đổi sang Đô la Mỹ thấp hơn (mà đáng lẽ ra phải cao hơn), thể hiện lợi thế cạnh tranh về giá của hàng hóa Trung Quốc.

*Thứ hai*, Trung Quốc đã không căn cứ vào các tín hiệu thị trường để điều chỉnh tỷ giá hối đoái. Các số liệu thực tế đã chỉ ra rằng,

từ những năm 1994 trở đi, trong khi dự trữ ngoại hối liên tục gia tăng thì tỷ giá hối đoái vẫn được duy trì ổn định ở mức 8.2000 do đó, tỷ giá hối đoái của Trung Quốc chưa phản ánh được các tín hiệu của thị trường.

Các nhà kinh tế Mỹ ước tính Trung Quốc định giá đồng Nhân dân tệ thấp hơn mức "thật" từ 15-40% còn theo tính toán của luận văn (căn cứ trên Bảng.... thì năm 1998, đồng Nhân dân tệ được duy trì ở mức thấp hơn 14.6% mức giá thật.

**b) Quá trình tiếp thu, hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc hay Trung Quốc sử dụng chính sách tỷ giá hối đoái làm công cụ ngoại giao? (2005-2008)**

**Quan điểm của Luận văn về chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trong thời gian này như sau:**

*Thứ nhất*, về chế độ tỷ giá hối đoái được thông báo là thả nổi nhưng thực tế gần như ít có biến động và thiên nhiều về cố định trong một biên độ hẹp.

*Thứ hai*, về các công cụ can thiệp vào tỷ giá hối đoái, Trung Quốc đã sử dụng phức hợp và đa dạng các công cụ kinh tế, tài chính vĩ mô để điều chỉnh đồng Nhân dân tệ.

*Thứ ba*, Chính phủ Trung Quốc đã sử dụng tỷ giá hối đoái như những lợi thế trong ngoại giao để đàm phán với các quốc gia khác. Khi nhận thấy sức ép của cộng đồng thế giới buộc nâng giá đồng Nhân dân tệ thì Trung Quốc mới bắt đầu nâng giá nhưng mức nâng thấp rồi dần dần theo thời gian đồng Nhân dân tệ mới nâng giá trị cao hơn. Đây là sự dẫn dắt của Trung Quốc mang tính chủ động chứ không phải bị ép buộc.

*Thứ tư*, việc Trung Quốc sử dụng chính sách tỷ giá hối đoái làm công cụ ngoại giao chỉ là những bước đi ngắn hạn nhưng xét về dài hạn đây là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái.

*Thứ năm*, mặc dù Trung Quốc đã có nhiều cố gắng để hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của mình nhưng thực tế, việc điều chỉnh tỷ giá hối đoái vẫn chưa hoàn toàn căn cứ trên các yếu tố thị trường, tức vẫn có sự can thiệp rõ ràng của chính phủ khiến cho các yếu tố tác động đến tỷ giá hối đoái chưa phát huy hết tác dụng.

### **2.2.2 Đánh giá những thay đổi chính sách tỷ giá của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO.**

Những thành công trong chính sách tỷ giá hối đoái giai đoạn sau khi gia nhập WTO có thể tóm tắt như sau:

*Thứ nhất*, chính sách tỷ giá hối đoái hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động xuất khẩu, qua đó giúp cân bằng cán cân thanh toán, ổn định tiền tệ, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế...của Trung Quốc.

*Thứ hai*, chính sách tỷ giá hối đoái trở thành một công cụ hữu ích trong hệ thống các công cụ kinh tế mà chính phủ Trung Quốc sử dụng để xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc.

*Thứ ba*, chính sách tỷ giá hối đoái đã có lúc trở thành một con bài ngoại giao của chính phủ Trung Quốc, tạo sức phản kháng nhất định để Trung Quốc có thể hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái theo cách riêng của mình, mang tính chủ động, giảm thiểu các cú sốc rủi ro...

Bên cạnh những mặt thành công, chính sách tỷ giá hối đoái hậu WTO của Trung Quốc vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế:

*Thứ nhất*, cơ chế tỷ giá gần như cố định so với USD đã hạn chế tính độc lập trong điều hành chính sách tiền tệ của Trung Quốc.

*Thứ hai*, đồng Nhân dân tệ bị đánh giá thấp so với giá trị thực đã góp phần thúc đẩy thặng dư cán cân thương mại tăng lên mạnh mẽ trong những năm gần đây, đồng thời cũng làm cho các luồng vốn đầu tư gián tiếp tăng do kỳ vọng về đồng Nhân dân tệ sẽ lên giá.

*Thứ ba*, đồng Nhân dân tệ bị đánh giá thấp đã thu hút lượng vốn đầu

tư quá mức vào lĩnh vực thương mại hàng hóa. Kết quả là, mức tỷ giá thực sẽ tăng và kéo theo lợi nhuận của một số ngành công nghiệp sản xuất hàng hóa giảm xuống.

**Thứ tư**, cơ chế tỷ giá không linh hoạt và việc định giá thấp đồng Nhân dân tệ cũng gây cản trở đối với việc điều chỉnh mất cân đối toàn cầu và tăng rủi ro khi neo giữ đồng Nhân dân tệ với đồng USD và với nền kinh tế Mỹ.

## **Kết luận chương 2.**

Chương 2 đã phân tích chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc từ năm 1979 đến 2008, với những giai đoạn cụ thể như sau:

### **Trước khi Trung Quốc gia nhập WTO: 1979-2001.**

*Giai đoạn 197-1984*, đặc trưng chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc giai đoạn này là chế độ đa tỷ giá, tồn tại tỷ giá chính thức (dùng cho các giao dịch quốc tế) và tỷ giá thương mại nội bộ, mang dấu ấn của hệ thống tỷ giá hối đoái xã hội chủ nghĩa.

*Giai đoạn 1984-1994* là giai đoạn đồng Nhân dân tệ được phá giá liên tục dẫn đến chế độ hai tỷ giá bị vô hiệu vì tỷ giá chính thức diễn biến sát với tỷ giá giao dịch nội bộ.

*Giai đoạn 1994-2001* là giai đoạn Trung Quốc công bố chế độ tỷ giá mới là tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát nhưng cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á nổ ra khiến Trung Quốc không thực hiện lời hứa thả nổi tỷ giá mà còn kiểm soát chặt hơn nhằm ổn định tỷ giá, hỗ trợ xuất khẩu.

### **Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO: 2001-2008.**

*Giai đoạn 2001-2005* là giai đoạn mà những cố gắng kiềm chế tỷ giá hối đoái của Trung Quốc thời kỳ khủng hoảng kinh tế được coi là có trách nhiệm với cộng đồng thế giới (ngăn một cuộc phá giá ồ ạt các đồng tiền châu Á) thì bây giờ bị xem như không có tính công bằng trong thương mại quốc tế. Các quốc gia cho rằng Trung Quốc cố tình giữ giá

đồng Nhân dân tệ thấp nhằm hỗ trợ giá hàng Trung Quốc xuất khẩu.

*Giai đoạn 2005-2008* là giai đoạn Trung Quốc đã khôn khéo sử dụng chính sách tỷ giá hối đoái trong ngoại giao, đồng thời cho thấy rõ Trung Quốc đang nỗ lực hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của mình theo hướng thả nổi có điều tiết một cách chậm rãi.

### **CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GỢI Ý NHẪM HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI CỦA VIỆT NAM TỪ KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC.**

#### **3.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI CỦA VIỆT NAM TỪ 1989 ĐẾN 2008.**

##### **3.1.1 Giai đoạn từ năm 1989 – 1996.**

Giai đoạn 1989 đến 1996, chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam thể hiện ở một số đặc trưng cơ bản sau:

*Thứ nhất*, chế độ tỷ giá hối đoái thiên về cố định và ổn định trong thời gian dài, tỷ giá chỉ được phép biến động trong biên độ hẹp 0.5% - 5%.

*Thứ hai*, Chính phủ tạo lập và duy trì một thị trường ngoại hối nhỏ và có thể kiểm soát (thị trường ngoại tệ liên ngân hàng) chứ không để thị trường ngoại hối được phát triển tự do.

*Thứ ba*, Các công cụ can thiệp vào tỷ giá trong thời gian này cũng chỉ dừng lại ở việc công bố các mức tỷ giá và các biên độ giao động (công cụ can thiệp cơ bản, trực tiếp mang tính hành chính) thông qua các mệnh lệnh đối với các thành viên của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

### **3.1.2. Giai đoạn điều chỉnh tỷ giá liên tục nhằm đối phó khủng hoảng tài chính châu Á: 1997 – 1998.**

Để tạo sự cân bằng về cung – cầu ngoại tệ trên thị trường và giảm áp lực căng thẳng về phá giá đồng Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã nhiều lần chủ động điều chỉnh tỷ giá hối đoái VND/USD bằng việc thay đổi tỷ giá chính thức và nới biên độ giao dịch ngoại tệ giữa các Ngân hàng thương mại với khách hàng trên thị trường đồng thời tăng cường công tác thông tin, cho công khai hoá một cách nhanh chóng và chính xác các chỉ số kinh tế quan trọng, như: tỷ giá hối đoái chính thức, tỷ giá thị trường tự do, biến động giá vàng, chỉ số giá...

### **3.1.3. Giai đoạn 1999 – 2007: Giai đoạn gia nhập WTO của Việt Nam**

Nếu như Trung Quốc khi gia nhập WTO họ không có cam kết cụ thể nào trong lĩnh vực quản lý ngoại hối thì Việt Nam đã ký một số cam kết như sau:

- Về giao dịch vãng lai: Việt Nam cam kết dỡ bỏ tất cả các biện pháp kiểm soát giao dịch vãng lai (trên thực tế, Việt Nam đã thực hiện cam kết này).
- Về giao dịch vốn: Việt Nam đã cam kết nới lỏng các giao dịch chuyển vốn của các nhà đầu tư nước ngoài và việc vay nước ngoài của các tổ chức cư trú.
- Về các biện pháp quản lý ngoại hối: Việt Nam cam kết chỉ dùng các biện pháp quản lý ngoại hối trong những trường hợp ngoại lệ, do chính phủ quyết định để duy trì an ninh tài chính và tiền tệ quốc gia phù hợp với điều lệ của quỹ tiền tệ quốc tế.
- Về cân đối ngoại tệ: Chính phủ Việt Nam cam kết bảo đảm cân đối nhu cầu ngoại tệ cho các nhà đầu tư nước ngoài vào các dự án đặc biệt quan trọng trong các chương trình của chính phủ và hỗ trợ cân đối ngoại tệ cho các dự án cơ sở hạ tầng và một số dự án quan trọng khác trong

trường hợp các ngân hàng được phép giao dịch ngoại hối không đáp ứng được tất cả các yêu cầu về ngoại tệ.

Trong giai đoạn này, việc chuyển sang chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết đã giúp tỷ giá phản ánh đúng diễn biến các yếu tố thị trường. Chênh lệch tỷ giá giữa thị trường tiền tệ liên ngân hàng và thị trường tự do ngày càng thu hẹp. Đây là giai đoạn quan trọng của Việt Nam trong quá trình hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái phục vụ cho việc gia nhập WTO cũng như đóng góp vào năng lực cạnh tranh thương mại của Việt Nam thời kỳ hậu WTO.

### **3.1.4. Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, chính sách tỷ giá hối đoái tiếp tục đối mặt với cuộc khủng hoảng tài chính (2007 – 2008).**

**Chính sách tỷ giá hối đoái Việt Nam về cơ bản có những đặc trưng sau:**

*Thứ nhất*, chế độ tỷ giá hối đoái thiên về cố định hơn là thả nổi hoặc có thể hiểu là chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi nhưng điều tiết quá chặt khiến cho tỷ giá tăng ổn định suốt nhiều năm từ 1998 đến nay.

*Thứ hai*, Chính phủ Việt Nam đã điều hành tỷ giá hối đoái phần lớn bằng công cụ hành chính như phá giá đồng Việt Nam, xác định biên độ giao động, ít hoặc chưa sử dụng có hiệu quả các công cụ thị trường mang tính gián tiếp khác như dự trữ ngoại hối, lãi suất chiết khấu...

*Thứ ba*, luận văn tiến hành phân tích chỉ số tỷ giá thực đa biên để xác định xu hướng khuyến nghị chính sách thời gian tới cho Việt Nam: nên phá giá hay nâng giá đồng Việt Nam?

Qua các số liệu phân tích cho thấy tỷ giá hối đoái thực đa biên của đồng Việt Nam so với giỏ các đồng tiền chủ chốt trong thương mại quốc tế của Việt Nam (Mỹ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc) kể từ 2003 có xu hướng giảm.

**Kết luận: sức cạnh tranh thương mại quốc tế của Việt Nam đang giảm đi xét về phương diện giá cả. Một sự phá giá làm giảm giá trị thực của đồng Việt Nam có thể là một gợi ý hữu ích để thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu của Việt Nam trong thời gian tới.**

### **3.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI CỦA CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY.**

Bên cạnh những thành tựu đạt được như sự ổn định cơ bản về đồng Việt Nam hay tốc độ tăng trưởng GDP cao, thu hút vốn FDI lớn, chính sách tỷ giá hối đoái trong thời gian qua vẫn còn một số điểm hạn chế:

**Thứ nhất:** Cơ chế điều hành tỷ giá tuy đã có những chuyển biến tích cực, song còn chậm so với quá trình phát triển kinh tế từng thời kỳ, và hậu quả để lại là gây nên áp lực căng thẳng ngoại tệ đối với nền kinh tế.

**Thứ ba:** Biên độ giao động của tỷ giá thay đổi thường xuyên.

**Thứ tư:** Việc điều hành chính sách tỷ giá vẫn chưa thoát khỏi ý định chủ quan của NHNN, bỏ qua các yếu tố thị trường. Hai công cụ của chính sách tỷ giá là lãi suất tái chiết khấu và dự trữ ngoại hối chưa thực sự có hiệu quả.

**Thứ năm:** Tỷ giá của VND mới chỉ gắn cố định với USD mà chưa có sự gắn định với các ngoại tệ khác. Vì vậy, USD lên giá hay giảm giá so với các đồng tiền khác thì hầu như không ảnh hưởng đến tỷ giá VND/USD. Điều này khiến cho thị trường thiên về sử dụng nhiều USD mà bỏ qua sự quan tâm đến yếu tố rủi ro tỷ giá.

### **3.3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI CỦA VIỆT NAM TỪ KINH NGHIỆM TRUNG QUỐC.**

#### **3.3.1 Bài học kinh nghiệm từ quá trình cải cách và điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái ở Trung Quốc**

Từ quá trình cải cách tỷ giá ở Trung Quốc, chúng ta có thể rút ra một

số bài học kinh nghiệm sau:

**Thứ nhất**, là tính phối hợp trong cải cách. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, sự phối hợp nhanh và nhạy trong cải cách là rất quan trọng. Câu trả lời của Trung Quốc đối với vấn đề này được biểu hiện trước hết ở cách tiếp cận vi mô, sau đó là sự phối hợp liên ngành. Trong cải cách tỷ giá, bước đầu là phá giá, tiếp đến là cải cách cơ chế xác định tỷ giá, làm cho tỷ giá trở nên linh hoạt, phù hợp với sự phát triển của các quan hệ hàng hóa – tiền tệ.

**Thứ hai**, các biện pháp cải cách tỷ giá ở Trung Quốc đã tạo ra một cơ chế bảo vệ lợi ích cho các nhà xuất khẩu; trong chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có điều tiết, tỷ giá danh nghĩa có thể được điều chỉnh để chống đỡ các cú sốc lạm phát cũng như các biến động khác, đảm bảo lợi nhuận cho hoạt động xuất khẩu. Hơn nữa, cơ chế này còn được phối hợp với những chính sách ưu tiên làm tăng khả năng cạnh tranh trước sức ép lạm phát.

**Thứ ba**, trong quá trình cải cách, đồng Nhân dân tệ được điều chỉnh nhiều lần theo hướng phá giá, gây sức ép tăng lạm phát.

**Thứ tư**, việc Trung Quốc gia nhập WTO sẽ giúp nước này nới lỏng các quy định về quản lý ngoại hối. Trong tiến trình thực hiện tự do hóa đồng Nhân dân tệ, các biện pháp đưa ra phải thực hiện từng bước thận trọng. Do vậy, chính phủ Trung Quốc đã thể hiện rõ quan điểm cải cách hệ thống tài chính – tiền tệ phải theo dần từng bước, đảm bảo có hiệu quả và không để bị sai lầm về mặt chính sách, bởi lẽ sẽ dễ gây bất ổn định nền kinh tế và xáo trộn xã hội.

**Thứ năm**, chính sách tỷ giá hối đoái được các nhà làm chính sách Trung Quốc sử dụng không chỉ cho mục đích kinh tế mà còn sử dụng nó như một công cụ, một giải pháp để mặc cả chính trị đối với thế giới còn lại, đặc biệt là những nước có liên hệ mật thiết với Trung Quốc về thương mại và vốn.

**Thứ sáu**, trong quá trình điều chỉnh chính sách tỷ giá hối đoái nói riêng và các chính sách kinh tế nói chung, Trung Quốc thường có những quan điểm khá đặc trưng mang màu sắc Trung Quốc, điển hình như quan điểm **“Proactive”** (“tiên phong thực hiện” tức chế độ cải cách, nội dung và thời gian cải cách phải chủ động dựa trên nhu cầu phát sinh trong thực tiễn phát triển), **“Controllable”** (“Có khả năng kiểm soát” đảm bảo được khả năng kiểm soát ở cấp độ vĩ mô của chính phủ tránh những biến động lớn trong nền kinh tế), **“Gradual”** (“tiệm tiến” tức tiến trình chuyển đổi phải được tiến hành từ từ, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan)...

### **3.3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam.**

#### **a) Xác định rõ quan điểm điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam hiện nay.**

**Thứ nhất:** Chính sách tỷ giá phải được phối hợp đồng bộ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

**Thứ hai:** Điều hành tỷ giá xuất phát từ lợi ích chung của nền kinh tế;

**Thứ ba:** Xây dựng chính sách tỷ giá trên cơ sở hội nhập thị trường tiền tệ trong nước với quốc tế nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính hạn chế và tránh nguy cơ tụt hậu.

**Thứ tư:** Không ngừng nâng cao uy tín của đồng Việt Nam trên cơ sở duy trì sự tương quan hợp lý giữa giá trị đối nội và đối ngoại của nội tệ, hướng dẫn tới mục tiêu đồng Việt Nam có khả năng chuyển đổi.

**Thứ năm:** Đấu tranh có hiệu quả với hiện tượng đầu cơ, tích trữ và kiểm chế tác động xấu của thị trường ngoại tệ chợ đen.

#### **b) Xác định quan điểm lựa chọn chế độ tỷ giá**

Thực trạng tài chính Việt Nam vừa đòi hỏi một chế độ tỷ giá thả nổi, vừa ủng hộ chế độ tỷ giá cố định. Bên cạnh đó, cũng sẽ rất hữu ích nếu tồn tại song song các công cụ hành chính với mục đích can thiệp kịp

thời đến biên độ giao động của tỷ giá, phục vụ cho các mục tiêu kinh tế lớn ở từng thời kỳ.

**c) *Xác định quan điểm điều chỉnh: Đánh giá tình hình kinh tế trước và sau khi điều chỉnh tỷ giá***

- Theo sát những tín hiệu trên thị trường ngoại tệ chính thức.
- Theo dõi những xu hướng vận động trên thị trường chợ đen.
- Nâng cao năng lực các công cụ can thiệp tỷ giá

**Kết luận chương 3.**

Chương 3 đã phân tích diễn biến chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam từ 1989 đến 2008 với các giai đoạn như sau:

*Giai đoạn từ 1989-1996* là giai đoạn chính phủ Việt Nam duy trì một chế độ tỷ giá hối đoái cố định cứng, sử dụng các chính sách mang tính hành chính, mệnh lệnh rõ nét nhằm can thiệp vào thị trường ngoại hối nhỏ hẹp lúc bấy giờ.

*Giai đoạn từ 1997-1998* với đặc trưng là những đợt phá giá liên tiếp đồng VND, đồng thời minh bạch hóa một số thông tin (trước đây từng được coi là bí mật quốc gia) như dự trữ ngoại hối, cán cân thanh toán...nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính châu Á.

*Giai đoạn 1997 – 2007* là giai đoạn Việt Nam chuyển hướng chính sách sang chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có điều tiết, đồng thời hoàn thiện dần những nền tảng pháp lý hỗ trợ cho quá trình trở thành thành viên đầy đủ của WTO.

*Giai đoạn từ 2007 – 2008*, chính phủ Việt Nam buộc phải sử dụng những biện pháp nhằm kiểm soát chặt tỷ giá hối đoái đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế trong bối cảnh sức cạnh tranh thương mại quốc tế của hàng hóa Việt Nam giảm đi. Điều đó ngụ ý, sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế, chính phủ Việt Nam có thể sẽ phá giá đồng Việt Nam

nhằm thúc đẩy xuất khẩu, giảm nhập siêu để cải thiện cán cân thanh toán của mình.

Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình điều chỉnh chính sách của Trung Quốc, luận văn cũng đưa ra một số gợi ý giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam như cần xác định rõ các quan điểm trong việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái, lựa chọn chế độ tỷ giá và điều chỉnh tỷ giá hối đoái trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Nằm trong tiến trình cải cách nền kinh tế, chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc cũng là một bộ phận chính sách được Đảng và Nhà nước Trung Quốc đánh giá là có tầm quan trọng không chỉ trong việc giữ ổn định giá trị đồng Nhân dân tệ mà còn có nhiệm vụ kết hợp cùng các chính sách tài chính – tiền tệ khác nhằm hỗ trợ tăng trưởng và phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc.

Chính sách tỷ giá hối đoái của Trung Quốc trước và sau khi gia nhập WTO có một đặc trưng là **kiên trì trong quan điểm** (nguyên tắc trong quan điểm về điều hành tỷ giá phải phục vụ các lợi ích kinh tế, chính trị từng thời điểm), **đổi mới trong cách thức điều hành** (tiệm cận các biện pháp gián tiếp, mềm dẻo, phức hợp để điều chỉnh thay vì can thiệp trực tiếp) và **mang màu sắc Trung Quốc trong quá trình cải cách** (điển hình là cải cách cản trọng kiểu dò đá qua sông).

Qua những phân tích mang tính hệ thống quá trình điều hành chính sách tỷ giá hối đoái Trung Quốc, luận văn cũng đề xuất một số khuyến nghị cơ bản mang tính gợi ý nhằm hoàn thiện chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam trong thời gian tới trên cơ sở cần xác định rõ các quan điểm trong việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái, lựa chọn chế độ tỷ

giá và điều chỉnh tỷ giá hối đoái.